

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HUNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HUNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hào

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Có mặt).

-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ph trình bày:

Bà Ph và ông Tr thông qua mai mối, sau đó hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2005 và đăng ký kết hôn ngày 23/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Chung sống được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng nên hai người đã ly thân từ đầu năm 2006 đến nay. Trong quá trình chung sống bà Ph và ông Tr có một con chung là Nguyễn Văn X (nam), sinh ngày 20/11/2006 hiện sống với bà Ph. Về tài sản chung và nợ chung không

có. Do hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà Ph xin ly hôn với ông Tr, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt, không tham dự phiên tòa và không thể hiện ý kiến trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Chính quyền địa phương nơi cư trú của bà Ph và ông Tr cung cấp thông tin: Bà Ph và ông Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp C, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Nghề nghiệp của cả hai là làm thuê, làm mướn. Hai người chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì ly thân và có một con chung do bà Ph nuôi từ nhỏ đến nay. Về mâu thuẫn giữa hai người thì địa phương không nắm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn ông Tr chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Ph và ông Tr có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà Ph xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã sống ly thân. Ông Tr không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Ph và ông Tr đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ph.

Về con chung: Xét thấy con chung đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống chung với mẹ nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bà Ph. Do bà Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những cơ sở trên, căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng phía bị đơn ông Nguyễn Văn Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông Tr xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An vào năm 2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp, việc bà Ph xin ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Ph cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện cả hai không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.3] Ông Tr không thể hiện ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà Ph mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, bỏ mặc kết quả giải quyết vụ án, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, kết quả xác minh của Tòa án cũng phù hợp với những lời trình bày của bà Ph.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Ph và ông Tr đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ph.

[3] Về con chung: Bà Ph và ông Tr có một con chung là cháu Nguyễn Văn X (nam), sinh ngày 20/11/2006 và hiện bà Ph đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà Ph yêu cầu được nuôi con còn ông Tr không thể hiện ý kiến hay có tranh chấp gì. Xét thấy em X đang do bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng và em cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên tiếp tục giao con chung cho bà Ph nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà Ph không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Ph phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ph.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn X (nam), sinh ngày 20/11/2006 cho bà Lê Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Lê Thị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003702 ngày 10/6/2022 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Hưng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh